

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **99/2021/DS-ST**

Ngày: 25-02-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cẩm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vạn

2. Bà Trần Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Dương – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:
Ông Đồng Văn Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 259/2020/TLST-DS ngày 24/06/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-DS ngày 05/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2021/QĐST-DS ngày 29/01/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ** (Tên viết tắt: **DAB**)

Trụ sở chính: 130 Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Võ Minh T**, sinh năm: 1967 – Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Ông Võ Minh T ủy quyền cho: Ông **Nguyễn Thanh T1**, sinh năm: 1966 – Chức danh: Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ. (Quyết định ủy quyền số 122/QĐ-DAB-HHĐQT ngày 27/04/2016)

Ông Nguyễn Thanh T1 ủy quyền lại cho: Ông **Vũ Quang H**, sinh năm: 1988 – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Quận K – Phòng giao dịch C

(Quyết định ủy quyền số 941/QĐ-DAB-PC ngày 16/8/2018)

Địa chỉ: C14/19 Quốc lộ 1A, xã T, huyện B, Thành phố H.

(Ông H vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà **Cao Thị Thanh L**, sinh năm: 1971; Địa chỉ: 4/19A ấp 2, xã Q, huyện B, Thành phố H. (Bà L vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị T2**, sinh năm: 1981; Địa chỉ: 4/19A ấp 2, xã Q, huyện B, Thành phố H. (Bà T2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 09/06/2020; đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 03/07/2020; các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có người đại diện theo ủy quyền là ông Vũ Quang H trình bày:

Ngày 17/10/2016, Bà Cao Thị Thanh L có vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ – Phòng giao dịch C với nội dung cụ thể như sau:

- Đợt vay số: 0132078001T16041;
- Số tiền vay: 15.000.000 đồng;
- Lãi suất: 9%/ năm
- Thời hạn vay: 12 tháng
- Mục đích vay: Buôn bán
- Ngày cho vay: 17/10/2016
- Ngày đáo hạn: 17/10/2017

Tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/02/2021 là 15.256.178 đồng (Bằng chữ: Mười lăm triệu, hai trăm năm mươi sáu ngàn, một trăm bảy mươi tám đồng). Trong đó:

- Vốn: 9.321.923 đồng;
- Lãi trong hạn: 623.077 đồng.
- Lãi quá hạn: 5.311.178 đồng.

Trong quá trình thực hiện giao dịch tín dụng, bà Cao Thị Thanh L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 (là người bảo lãnh theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ) đã không thực hiện đúng cam kết thanh toán nợ và lãi vay theo các điều khoản đã ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ – Phòng giao dịch C. Mặc dù Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ – Phòng giao dịch C đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở, tạo điều kiện cho thanh toán nợ vay nhưng bà Cao Thị Thanh L và bà Nguyễn Thị T2 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Do đó, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu:

- Bà Cao Thị Thanh L trả ngay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ tổng số nợ còn thiếu (gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, vốn) tính đến ngày 25/02/2021 là 15.256.178 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 26/02/2021 đến khi bà Cao Thị Thanh L hoàn tất nghĩa vụ nợ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

- Trong trường hợp bà Cao Thị Thanh L không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ, bà Nguyễn Thị T2 phải thực hiện trả ngay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ tổng số nợ còn thiếu (gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, vốn) tính đến ngày 25/02/2021 là 15.256.178 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 26/02/2021 đến khi bà Cao Thị Thanh L hoàn tất nghĩa vụ nợ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

- *Tại bản tự khai ngày 18/12/2020 bị đơn bà Cao Thị Thanh L trình bày:* Bà xác nhận có vay vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền 15.000.000 đồng, bà có trả cho Ngân hàng được mấy kỳ thì ngưng không trả nữa. Bà xác nhận số tiền còn nợ lại theo ý kiến của Ngân hàng. Tuy nhiên do gia đình kinh tế khó khăn nên không có khả năng thanh toán một lần, bà xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng. Số tiền bà vay của Ngân hàng thì bà xác nhận bà tự đứng ra trả, không liên quan đến bà Nguyễn Thị T2.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về án phí: Bà Cao Thị Thanh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn bà Cao Thị Thanh L. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã Q, huyện B, Thành phố H xác nhận “*Bà Cao Thị Thanh L, sinh năm: 1971 và Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1981 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 4/19A, ấp 2, xã Q, huyện B, Thành phố H. Hiện cả hai thực tế còn ở tại địa chỉ trên*”. Đây cũng là địa chỉ các đương sự cung cấp cho bên ngân hàng và ghi trên hợp đồng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự:

- Đối với nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ông Vũ Quang Hiếu có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn, bà Cao Thị Thanh L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2: Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho T2 nhưng bà T2 vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà T2 theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch giữa các đương sự xác lập vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015, Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết vụ án.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ yêu cầu bị đơn bà Cao Thị Thanh L thanh toán một lần toàn bộ số nợ gốc, lãi tính đến ngày 25/02/2021 là 15.256.178 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh từ ngày 26/02/2020 đến khi bà L hoàn tất nghĩa vụ nợ tại ngân hàng; trong trường hợp bà Cao Thị Thanh L không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ, bà Nguyễn Thị T2 phải thực hiện trả nợ thay cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ nợ vay tại ngân hàng.

[6] Còn bị đơn bà Cao Thị Thanh L xác định do gia đình kinh tế khó khăn nên không có khả năng thanh toán một lần số tiền gốc và lãi, bà xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng bà T2 vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện cũng như tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp; tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[7] Qua xem xét Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ lập ngày 17/10/2016 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và bà Cao Thị Thanh L là phù hợp theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ ngày 17/10/2016 có chữ ký xác nhận của bà Cao Thị Thanh L có cơ sở xác định bà L đã nhận số tiền 15.000.000 đồng từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Căn cứ Bản sao kê hoạt động của khách hàng vay, lịch sử thanh toán và lời khai của nguyên đơn có cơ sở xác định tính đến ngày 25/02/2021 bị đơn còn nợ nguyên đơn nợ gốc còn lại là 9.321.923 đồng, lãi trong hạn là 623.077 đồng, lãi quá hạn là 5.311.178 đồng, tổng cộng là 15.256.178 đồng.

[8] Hội đồng xét xử xét thấy, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0301442379; Giấy phép thành lập công ty số 135/GP-UB ngày 06/4/1992; Giấy phép hoạt động số 0009/NH-GP ngày 27/3/1992 thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ là tổ chức tín dụng, vì vậy theo quy định tại khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*.

Việc bị đơn ngưng trả tiền vốn và lãi hàng tháng cho nguyên đơn là đã vi phạm điều khoản thanh toán của của hợp đồng tín dụng. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn bà L trả số tiền gốc và lãi nêu trên là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Do đó, từ những căn cứ đã viện dẫn, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn bà Cao Thị Thanh L, buộc bà Cao Thị Thanh L có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số nợ gốc còn lại là 9.321.923 đồng, tiền lãi trong hạn, quá hạn của hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 25/2/2021 là 5.934.255 đồng, tổng cộng số tiền bà L phải thanh toán là 15.256.178 đồng và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc tính từ ngày 26/02/2021 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ.

Do bị đơn bà Cao Thị Thanh L là bên vi phạm điều khoản thanh toán nợ gốc, lãi hàng tháng theo hợp đồng tín dụng nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận ý kiến của bị đơn về việc xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

[9] Về yêu cầu buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà L trong trường hợp bà L không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ vay với Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ, tại mục I.2 thông tin người bảo lãnh có ghi thông tin người đứng bảo lãnh cho khoản vay của bà Cao Thị

Thanh L là bà Nguyễn Thị T2, và tại mục IV phần cam kết của người bảo lãnh bà Nguyễn Thị T2 có ký xác nhận “*Tôi cam kết trong trường hợp bà Cao Thị Thanh L không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hàng kỳ cho DongA Bank, tôi sẽ trả nợ thay cho người vay cho đến khi hết nợ vay tại DongA Bank*”

Căn cứ Điều 335, Điều 336, Điều 339, Điều 342 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì trong trường hợp này bà Nguyễn Thị T2 sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có có nghĩa vụ (bà L) nếu trong trường hợp khi đến hạn thanh toán mà bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

[10] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn bà Cao Thị Thanh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 762.809 đồng; nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[11] Xét lời đề nghị của đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 335, Điều 336, Điều 339, Điều 342, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 92, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đối với bị đơn bà Cao Thị Thanh L về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Cao Thị Thanh L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 25/02/2021 là 15.256.178 đồng (Mười lăm triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn một trăm bảy mươi tám đồng).

Các bên đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 26/02/2021, bà Cao Thị Thanh L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp bà Cao Thị Thanh L không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ nêu trên, bà Nguyễn Thị T2 có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thay cho bà Cao Thị Thanh L.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Cao Thị Thanh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 762.809 đồng (Bảy trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm lẻ chín đồng).

- Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 356.760 đồng (Ba trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm sáu mươi đồng) theo Biên lai thu số AA/2019/0079511 ngày 16/06/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Chi cục THADS H. Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Hồng Cẩm

